

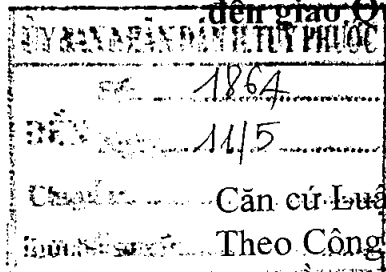
Số: 1450 /QĐ-UBND

Bình Định, ngày 04 tháng 5 năm 2016

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc phê duyệt giá trị bồi thường, hỗ trợ cho một số hộ dân, tổ chức do GPMB để xây dựng công trình tuyến đường Quốc lộ 19 đoạn từ Cảng Quy Nhơn đến giao Quốc lộ 1A, địa bàn xã Phước Lộc, huyện Tuy Phước (đợt 6)

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**



Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;  
Theo Công văn số 5444/UBND-TH ngày 12/11/2015 của UBND tỉnh;  
Xét đề nghị của Thường trực Hội đồng Bồi thường GPMB Dự án Quốc lộ 19 tại Tờ trình số 47/TTr-HĐBT ngày 29/4/2016 (kèm Biên bản họp Hội đồng bồi thường GPMB Dự án Quốc lộ 19 vào ngày 21/4/2016 tại Văn phòng UBND tỉnh),

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt giá trị bồi thường, hỗ trợ cho một số hộ dân, tổ chức do GPMB để xây dựng công trình tuyến đường Quốc lộ 19 đoạn từ Cảng Quy Nhơn đến giao Quốc lộ 1A, địa bàn xã Phước Lộc, huyện Tuy Phước (đợt 6) với các nội dung như sau (kèm theo phụ lục chi tiết đính kèm):

Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ cho một số hộ dân, tổ chức bị ảnh hưởng bởi dự án nêu trên và chi phí GPMB (2%) là **8.866.156.635 đồng** (Tám tỷ, tám trăm sáu mươi sáu triệu, một trăm năm mươi sáu nghìn, sáu trăm ba mươi lăm đồng), trong đó:

- Kinh phí bồi thường, hỗ trợ: 8.692.310.426 đồng;
- Chi phí phục vụ GPMB (2%): 173.846.209 đồng.

Nguồn vốn thực hiện: Vốn dự án tuyến đường Quốc lộ 19.

**Điều 2.** Phần diện tích đất còn lại của một số hộ dân nằm ngoài chỉ giới GPMB bị thu hồi:

1. Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh cung cấp thông tin về phương án bồi thường GPMB của những hộ dân này cho UBND huyện Tuy Phước.

2. Giao UBND huyện Tuy Phước chỉ đạo UBND xã Phước Lộc quản lý và sử dụng phần diện tích này theo quy định, không để người dân tái lấn chiếm. Sau này, quy hoạch dự án đầu tư có sử dụng đất thì Nhà nước thu hồi không được tính bồi thường phần diện tích đất này.

**Điều 3.** Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh chủ trì, phối hợp với các ngành và địa phương triển khai thực hiện.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Giao thông vận tải; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Trưởng ban Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Tuy Phước; tổ chức, hộ gia đình và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày

ký./ *mm*

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- PCT Phan Cao Thắng;
- PVP: NN, CN;
- Lưu: VT, K7 *v*

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



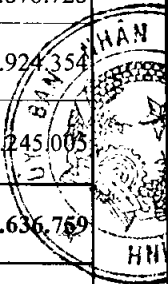
**Phan Cao Thắng**

**PHỤ LỤC**

**GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ CHO 21 HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN BỊ THIẾT HẠI VÀ 01 TỔ CHỨC DO GPMB THỰC HIỆN DỰ ÁN TUYẾN QUỐC LỘ 19 (ĐOẠN TỪ CẢNG QUY NHƠN ĐẾN GIAO QUỐC LỘ 1A), XÃ PHƯỚC LỘC, HUYỆN TUY PHƯỚC (ĐỢT 6)**

*(Kèm theo Quyết định số 1450/QĐ-UBND ngày 04 tháng 5 năm 2016 của UBND tỉnh)*

S T T	Họ và tên	Địa chỉ	Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất (đồng)	Tiền bồi thường nhà cửa + VKT (đồng)	Tiền bồi thường hoa màu, cây trồng (đồng)	Các khoản hỗ trợ (đồng)	Tổng cộng BT, hỗ trợ (đồng)
a	b	c	1	2	3	4	5=1+...+4
<b>I</b>	<b>Đối với các trường hợp có GCNQSD đất (Giải tỏa trắng)</b>		<b>75.000.000</b>	<b>914.548.551</b>	<b>38.688.830</b>	<b>107.400.000</b>	<b>1.135.637.381</b>
1	Cao Thành Lân vợ Nguyễn Thị Hồng Vân	Thôn Phong Tấn	21.735.000	368.417.464	38.688.830	30.750.000	459.591.294
2	Cao Thanh Lợi vợ Trần Thị Thanh Thủy	Thôn Phong Tấn	17.625.000	121.701.728		25.550.000	164.876.728
3	Cao Thị Thanh Tuyết	Thôn Phong Tấn	18.195.000	196.179.354		25.550.000	239.924.354
4	Cao Thị Minh Chính chồng Trương Văn Xê	Thôn Phong Tấn	17.445.000	228.250.005		25.550.000	271.245.005
<b>II</b>	<b>Đối với các trường hợp có GCNQSD đất (Giải tỏa 1 phần)</b>		<b>220.086.950</b>	<b>1.349.708.409</b>	<b>14.616.400</b>	<b>58.225.000</b>	<b>1.642.636.759</b>
5	Nguyễn Ngọc Lang vợ Thái Thị Kim Thoa	Thôn Phong Tấn	123.620.000	481.538.411	5.641.100	28.825.000	639.624.511
6	Phạm Khắc Đức (chết) vợ Phạm Thị Kim Liên	Thôn Phong Tấn	74.949.750	868.169.998	8.975.300	29.400.000	981.495.048
7	Lưu Thị Thanh Trúc	Thôn Phong Tấn	21.517.200				21.517.200
<b>III</b>	<b>Các trường hợp giải tỏa 1 phần chưa có GCNQSD đất</b>		<b>518.815.200</b>	<b>619.692.240</b>	<b>26.106.030</b>	<b>31.625.000</b>	<b>1.196.238.470</b>



*Handwritten signature*

a	b	c	1	2	3	4	5=1+...+4
8	Nguyễn Ngọc Trang vợ Nguyễn Thị Hoa	Thôn Phong Tấn	38.350.000	18.378.360	3.463.780	5.000.000	65.192.140
9	Huỳnh Văn Hát	Thôn Phong Tấn	424.230.400	544.465.674	19.402.980	24.625.000	1.012.724.054
10	Lò Văn Tiến vợ Võ Thị Thúy Hồng	Thôn Phong Tấn	36.068.400	9.679.656	400.000	1.000.000	47.148.056
11	Phạm Văn Thành vợ Phạm Thị Ngọc Rỡ	Thôn Phong Tấn	20.166.400	47.168.550	2.839.270	1.000.000	71.174.220
<b>IV</b>	<b>Các trường hợp giải tỏa trắng chưa có GCNQSD đất</b>		<b>680.927.450</b>	<b>3.487.700.843</b>	<b>65.840.510</b>	<b>80.850.000</b>	<b>4.315.318.803</b>
12	Nguyễn Thanh Mạnh vợ Dương Thị Bích Liên	Thôn Phong Tấn	153.679.500	1.220.486.975	31.283.950	29.750.000	1.435.200.425
13	Bùi Thị Kim Cúc	Thôn Phong Tấn	502.261.400	1.842.249.061	33.289.060	25.550.000	2.403.349.521
14	Lương Thị Khánh	Thôn Phong Tấn	24.986.550	424.964.807	1.267.500	25.550.000	476.768.857
<b>V</b>	<b>Trường hợp diện tích còn lại không đủ điều kiện xây nhà ở, hộ dân đề nghị thu hồi</b>		<b>28.417.750</b>	<b>96.265.060</b>	<b>867.000</b>	<b>25.550.000</b>	<b>151.099.810</b>
15	Nguyễn Văn Dũng vợ Nguyễn Thị Sinh	Thôn Phong Tấn	28.417.750	96.265.060	867.000	25.550.000	151.099.810
<b>VI</b>	<b>Các trường hợp xây dựng trên đất UBND xã</b>			<b>74.399.264</b>	<b>15.809.450</b>	<b>2.000.000</b>	<b>92.208.714</b>
16	Huỳnh Thanh Cường	Thôn Phong Tấn		48.074.144	13.809.900	1.000.000	62.884.044
17	Trần Văn Tâm	Thôn Phong Tấn		26.325.120	1.999.550	1.000.000	29.324.670
<b>VII</b>	<b>Các trường hợp bổ sung nhà cửa, vật kiến trúc, hỗ trợ ổn định đời sống</b>			<b>75.377.889</b>			<b>98.278.889</b>
18	Lê Văn Nhi	Thôn Phong Tấn		16.807.788			16.807.788
19	Lê Hồng Hải	Thôn Phong Tấn		58.570.101	8.000.000		66.570.101

*AMC*

a	b	c	1	2	3	4	5=1+...+4
20	Lê Hồng Nam	Thôn Phong Tấn		3.146.000	10.000.000		13.146.000
21	Tinh bổ sung hỗ trợ ổn định đời sống 01 nhân khẩu cho hộ bà Lê Thị Trông (chết) cháu Nguyễn Hoàng Trinh (đdkk) với số tiền là: 1.755.000đồng.						1.755.000
<b>VIII</b>	<b>Đất UBND xã Phước Lộc</b>	Thôn Hạnh Quang	<b>60.891.600</b>				<b>60.891.600</b>
	<b>Tổng cộng (I+..VII)</b>		<b>1.584.138.950</b>	<b>6.617.692.256</b>	<b>161.928.220</b>	<b>305.650.000</b>	<b>8.692.310.426</b>
	<b>Chi phí GPMB 2%</b>						<b>173.846.209</b>
<b>Tổng cộng</b>							<b>8.866.156.635</b>

*LM*

